

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2021.

Về việc “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông.
2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa:
Ông Ngô Minh Thường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2021/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021, Vv: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: tổ 7 khối phố X, phường T, thành phố K, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ 7 khối phố X, phường T, thành phố K, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn V tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Q. Trong thời gian chung sống, ông V nhiều lần cờ bạc nợ nần, tôi đã nhiều lần khuyên nhủ để cùng nhau lo cho gia đình và các con nhưng ông V vẫn không thay đổi. Tôi đã nhiều lần gửi đơn đến UBND cấp xã và Tòa án nhờ can thiệp nhưng vì nghĩ cho các con nên tôi đã cố gắng chịu đựng và vì không thể chung sống và không còn tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân mấy năm nay. Đến nay, bên cạnh cờ bạc ông V còn hành hạ về thể xác và tinh thần, đánh đập tôi nên không thể chấp nhận được nữa. Hiện nay,

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống lại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phạm Thanh V, sinh năm 1996 và Phạm Thị Ly N, sinh năm 2001. Các con đều trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà Huỳnh Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Q. Trong thời gian chung sống, vợ tôi đi làm công nhân may, tôi đi làm ở trường học. Bản thân vợ có những lúc tăng ca đến khuya mới về nhà nên khi các con còn nhỏ tôi phải lo cho các con tất cả và bản thân phải đi làm việc cả ngày nên không có thời gian nhưng vợ cho rằng tôi cờ bạc là không có cơ sở. Tôi thừa nhận, hiện tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng đã sống ly thân mấy năm nay nhưng vì các con nên tôi không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phạm Thanh V, sinh năm 1996 và Phạm Thị Ly N, sinh năm 2001. Các con đều trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là chưa đảm bảo. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: xét đơn khởi kiện của bà T là có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định cho bà T ly hôn với ông V, các con chung đều đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với ông Phạm Văn V, hiện trú tại: khối phố X, phường T, thành phố K, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của bà Thọ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Ông Phạm Văn V là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: giữa bà T và ông V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Nay cuộc sống chung giữa bà T và ông V không có hạnh phúc, nguyên nhân theo bà T là do ông V hay cờ bạc, hành hạ bà T về thể xác và tinh thần, nay xét thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, ông V thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhiều năm nay nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng vì các con. Tuy nhiên các con bà T và ông V đều đã trưởng thành. Cả bà T và ông V đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng của bà T và ông V như vậy nếu có kéo dài thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông V.

Trong quá trình chung sống bà T và ông V sinh được 02 người con nhưng các con đều đã trưởng thành, tự lập và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông V đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: bà Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Xin ly hôn*” của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T với bị đơn ông Phạm Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000đồng bà Huỳnh Thị T phải chịu được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001081 ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phạm Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND xã T;
- Chi cục T.H.A tp Tam Kỳ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Huỳnh Lý

